

Bản án số: 156/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 6-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Bê

Bà Nguyễn Thị Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 20/10/2003; Số căn cước công dân: 024303011053 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Đức T, sinh ngày 16/9/2001 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam: Tổ dân phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang (Hiện anh T đang lao động ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể). Số căn cước công dân: 024201000719

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là phường P, thị xã C), tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung

sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nhất là trong việc làm ăn phát triển kinh tế chung của gia đình. Tháng 02 năm 2023, anh T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng chị vẫn liên lạc với nhau qua mạng xã hội nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng nhất từ tháng 11 năm 2023 nên chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người ấy làm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Đức T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022. Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Đức Anh T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L trình bày: Chị đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên.

*Anh Lê Đức T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Ngày 10/3/2025 và ngày 24/3/2025, Tòa án lập biên bản làm việc với ông Lê Đức T2, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang, ông T2 cung cấp: Anh T3 là con trai ông, hiện anh T3 đang lao động ở nước ngoài, anh T3 vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho anh T3 biết nhưng ông không biết địa chỉ của anh T3 để cung cấp cho Tòa án và anh T3 không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Chị L và anh T3 kết hôn năm 2022 có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L và anh T3 chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 anh T3 đi lao động tại Đài Loan. Sau khi vợ chồng anh T3, chị L mâu thuẫn gia đình đã tiến hành động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Chị L, anh T3 có 01 con chung là cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022, hiện cháu T1 đang sống cùng với chị L.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Mai L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Mai L, biên bản làm việc với ông Lê Đức T2 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân

thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Đức T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn anh Lê Đức T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Mai L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Mai L khởi kiện xin ly hôn anh Lê Đức T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Anh T3 hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể của anh T3. Theo công văn số: 1622/QLXNC ngày 11/6/2025 của Phòng Q- Công an tỉnh B cung cấp, anh Lê Đức T xuất cảnh ngày 31/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn là anh Lê Đức T hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của anh T ở Việt Nam tại: Tổ dân phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mai L.

Đối với bị đơn anh Lê Đức T: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông T2 (là bố anh T), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh T trước khi xuất cảnh ở tổ dân phố H, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua người thân của anh T là ông Lê Đức T2 và đề nghị ông T2 thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai L và bị đơn là anh Lê Đức T. Ông T2 cho biết sau khi anh T đi nước ngoài thì anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai L và anh Lê Đức T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là phường P, thị xã C), tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 anh T đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lê Đức T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai L đối với anh Lê Đức T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã tiến hành động viên, khuyên bảo anh chị nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị L, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T, xử cho chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn anh Lê Đức T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022. Hiện cháu T1 đang sinh sống cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L đề nghị giao cháu T1 cho chị L nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị L, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần, anh T hiện đang lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung



cũng như tránh xáo trộn về cuộc sống, môi trường học tập của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Mai L nuôi dưỡng sau khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của cháu T1 như đề nghị của đại diện diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Sau khi ly hôn anh Lê Đức T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp anh Lê Đức T về nước có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Đức T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn anh Lê Đức T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Lê Đức Anh T1, sinh ngày 03/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Mai L nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Lê Đức T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000427 ngày 07/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Mai L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:**

Chị Nguyễn Thị Mai L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**









